

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2020/TLST – HNGĐ
ngày 01 tháng 06 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị C, Sinh năm: 1990

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm YX, xã TX, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ
An.

Chỗ ở hiện nay: Xóm 21, xã NL, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Vũ Quang H, Sinh năm: 1979

Trú tại: Xóm YX, xã TX, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.

Căn cứ, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân
và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày
21/07/2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên
bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21/07/2020 là hoàn toàn tự
nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện
ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị C và anh Vũ Quang H.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Chị Phạm Thị C và anh Vũ Quang H thống nhất thuận tình ly
hôn.

Về con chung: Giao con chung tên là Vũ Quang H, sinh ngày 02/11/2016 cho
anh Vũ Quang H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị C có trách nhiệm

cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành sống tự lập. Thi hành kể từ tháng 08/2020. Chị C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trở lại hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị C tự nguyện nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi **nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị C** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ theo biên lai số 0006461 ngày 01/06/2020.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- *Tòa án tỉnh Nghệ An*
- *VKSND huyện Tân Kỳ*
- *Thi hành án dân sự huyện Tân Kỳ*
- *Các đương sự*
- *UBND xã Tân Xuân, huyện Tân Kỳ - NA*
- *Lưu hồ sơ*

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN KỲ
Thẩm phán

Đặng Xuân Hoan